

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,216.18	717	14,495,000
Được chi trong ngày					14,495,000
Đã chi trong ngày					14,495,000
1. Dịch vụ					1,440,600
1	Dịch vụ thu		0	374	0
2	Dịch vụ thu		4,200	343	1,440,600
3			0	343	0
2. Kho					2,491,112
Ăn chính					2,491,112
1	Gạo tẻ	Kg	23,000	31	713,000
2	Sữa Dielac Super Star	Kg	254,016	7	1,778,112
3. Đi chợ					10,563,288
Ăn sáng					3,704,400
1	Cà chua	Kg	60,000	3	180,000
2	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	5	125,000
3	Dưa chuột (dưa leo)	Kg	20,000	5	100,000
4	Hành củ tươi	Kg	80,000	1	80,000
5	Rau thơm các loại	Kg	40,000	3	120,000
6	Tỏi	Kg	150,000	1	150,000
7	Dầu thực vật	Chai	50,000	1.5	75,000
8	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đ	Kg	130,000	15	1,950,000
9	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
10	Nước mắm cá loại I	Chai	25,000	1.5	37,500
11	Muối iốt	Gói	4,000	1.73	6,900
12	Ngò rí	Kg	60,000	1	60,000
13	Hành lá	Kg	50,000	1.1	55,000
14	Củ cải	Kg	20,000	5	100,000
15	Bún tươi	Kg	18,000	25	450,000
16	Ốt chuông	Kg	70,000	2	140,000
17	Dấm ăn	Chai	15,000	2	30,000
Ăn chính					6,858,888
1	Đậu hũ chiên	Kg	4,000	10	40,000
2	Cà chua	Kg	60,000	3.5	210,000
3	Hành củ tươi	Kg	80,000	1.4	112,000
4	Tỏi	Kg	150,000	0.9	135,000
5	Dầu thực vật	Kg	50,000	1.4	70,000
6	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đ	Kg	130,000	1	130,000
7	Tôm biển	Chai	195,000	9.5	1,852,500
8	Đường cát	Kg	30,000	1.5	45,000
9	Nước mắm cá loại I	Kg	25,000	1.4	35,000
10	Đậu hũ non (Tàu hũ non)	Chai	12,000	13	156,000
11	Muối iốt	Gói	4,000	1.4	5,588
12	Nấm kim châm	Kg	12,000	18	216,000
13	Chanh dây (chanh leo)	Kg	40,000	2.5	100,000
14	Rau húng quế	Kg	20,000	1.4	28,000
15	Đường phèn	Kg	35,000	0.7	24,500

16	Ngò rí	Kg	60,000	1.6	96,000
17	Sữa chua Ánh Hồng	Chai	4,200	374	1,570,800
18	Hành lá	Kg	50,000	1.4	70,000
19	Đu Đủ lõi vàng	Kg	20,000	2.1	42,000
20	Thịt bò	Kg	260,000	4.5	1,170,000
21	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	25,000	2	50,000
22	Rau răm	Bó	5,000	2	10,000
23	Lươn	Kg	200,000	3	600,000
24	Gừng tươi	Kg	40,000	0.5	20,000
25	Dầu cá RaneeKids	Chai	68,000	1	68,000
26	Thi là	Bó	5,000	0.5	2,500
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					25,722,312
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					103,566,488
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng					7,109
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					143,615,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					143,615,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Phạm Thị Ngà



Phó hiệu trưởng

Phan Thị Hồng Huế